CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ngày 31/03/2025	12,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.3%	**5.3%**	**-3.0%**

DT thuần
Q1/25
8,150
tỷ VNĐ
QoQ: ▼343| -4.0%
YoY: ▲ 1,907| 30.6%

LN thuần
Q1/25
511
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 675| 412%
YoY: ▲ 304| 147%

LN sau thuế
Q1/25
472
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 237| 101%
YoY: ▲ 256| 119%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
7.7%
YoY: +/-▲ 3.4%

ROE (TTM)
Q1/25
4.1%
YoY: +/-▲ 0.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,450 - 15,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29,976
Số lượng CPLH (CP)	2,341,871,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,690,730
Sở hữu nước ngoài	3.7%
Beta	1.21
EPS	606
P/E	21.1

DT thuần
2024
30,306
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,977| 7.0%

LN thuần
2024
883
tỷ VNĐ
YoY: ▼407| -31.6%

LN sau thuế
2024
1,211
tỷ VNĐ
YoY: ▼72.0| -5.6%

Cơ cấu sở hữu

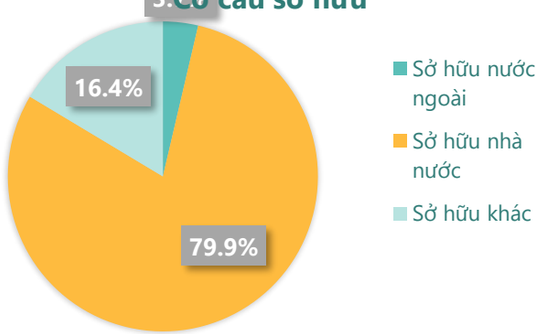

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

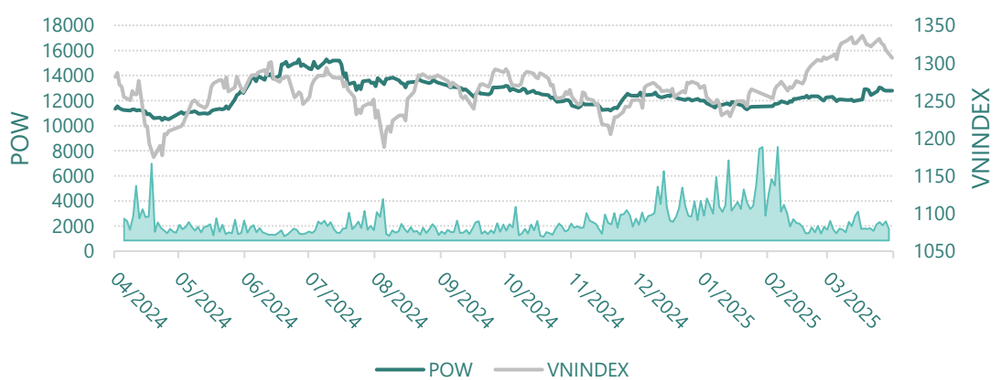

Cơ cấu cổ đông

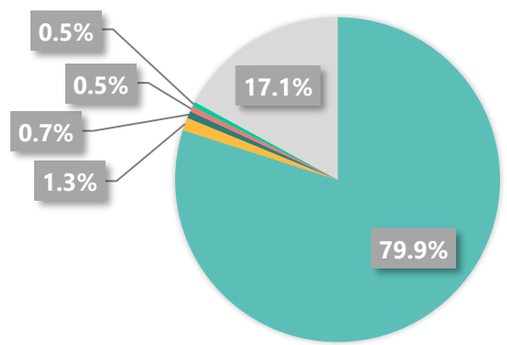

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

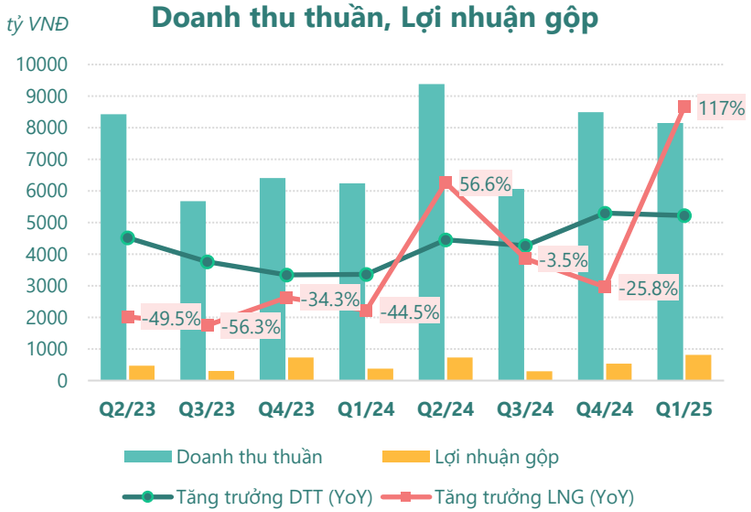

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

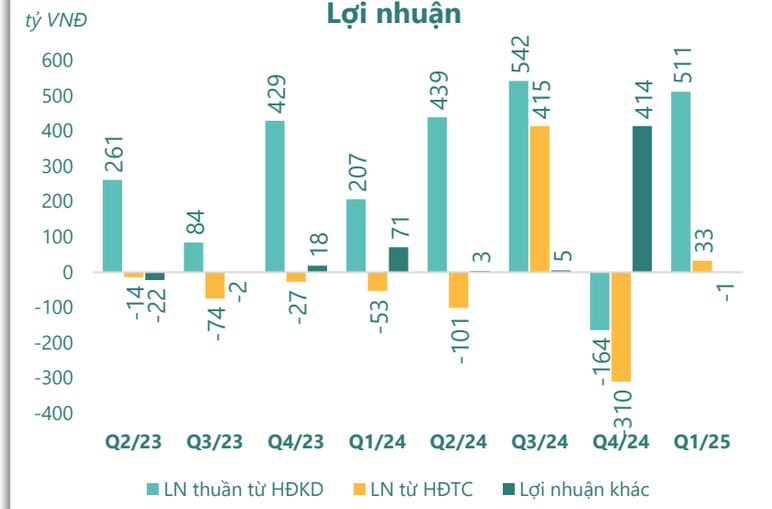

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

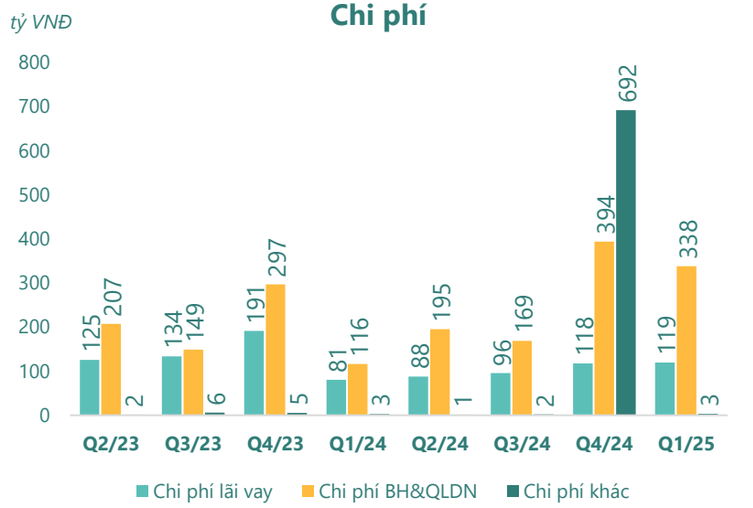

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

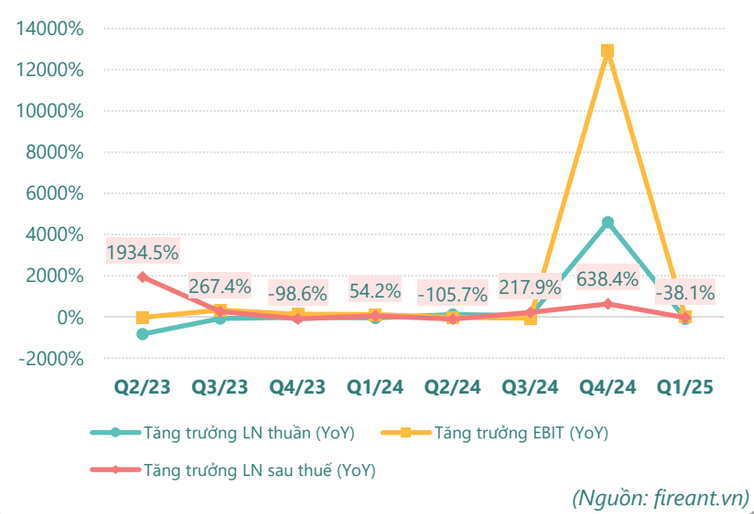

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

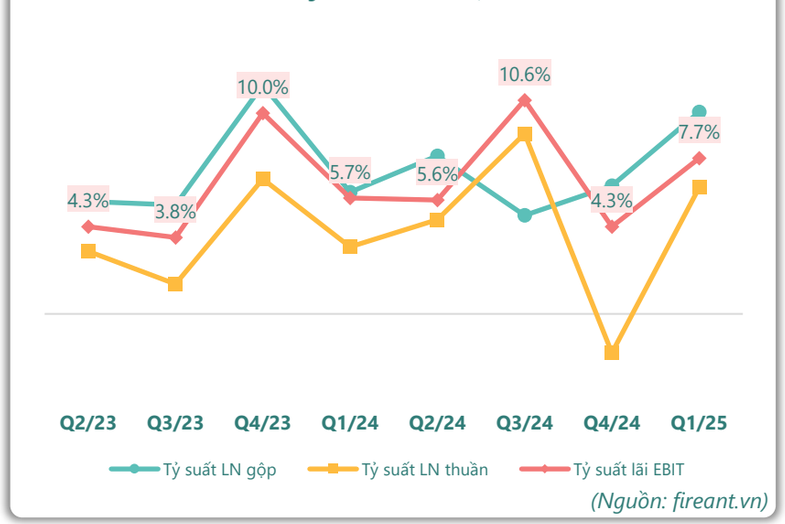

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

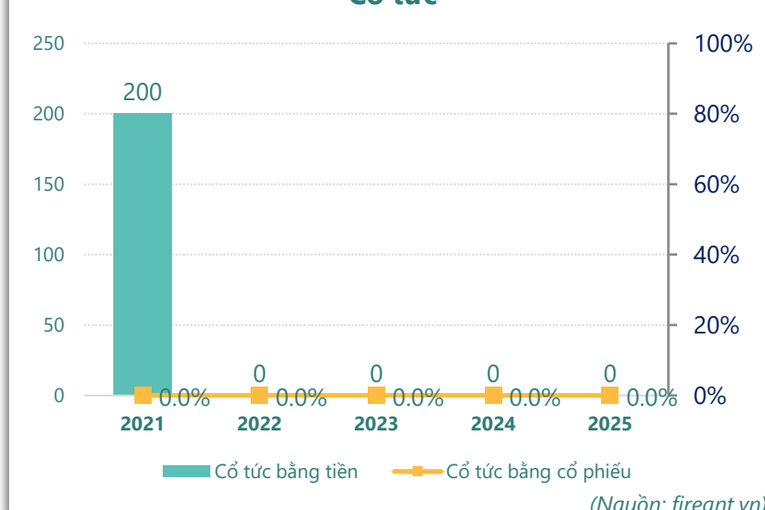

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

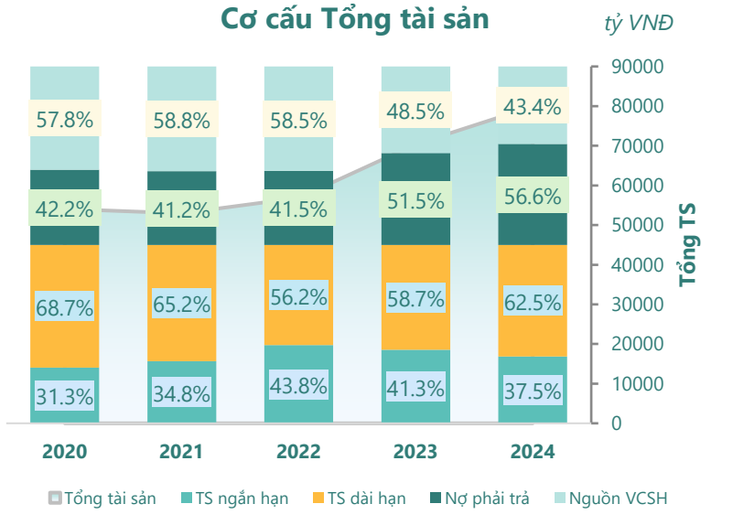

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

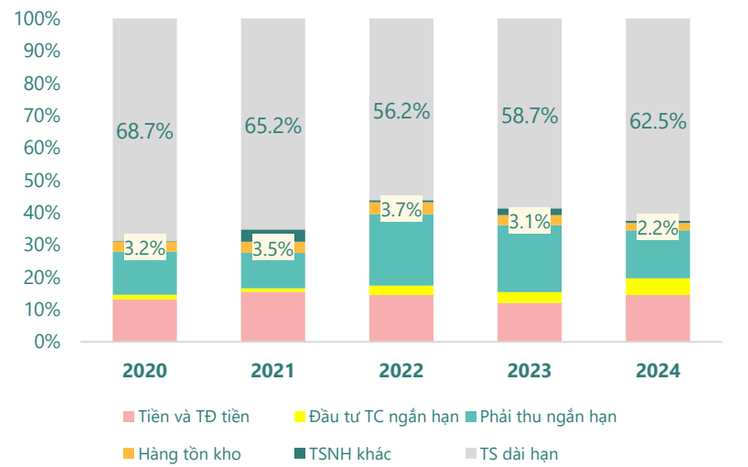

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

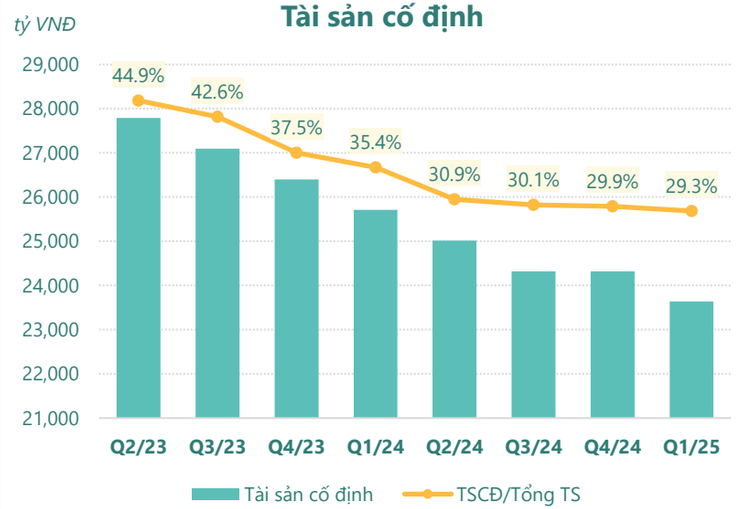

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

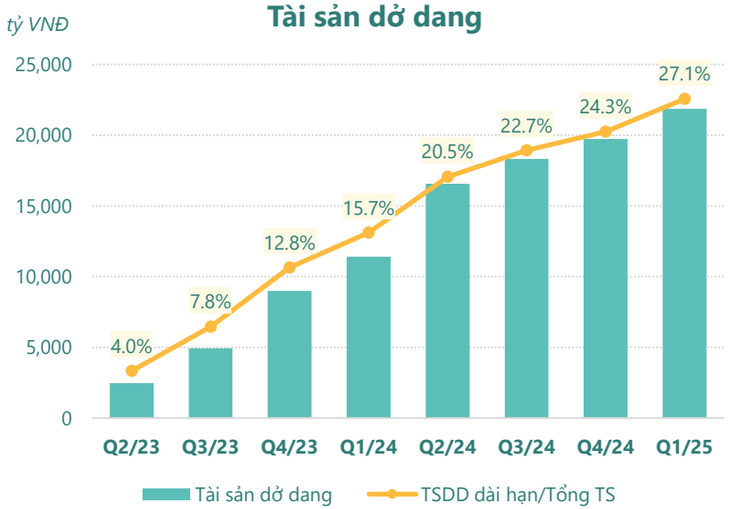

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

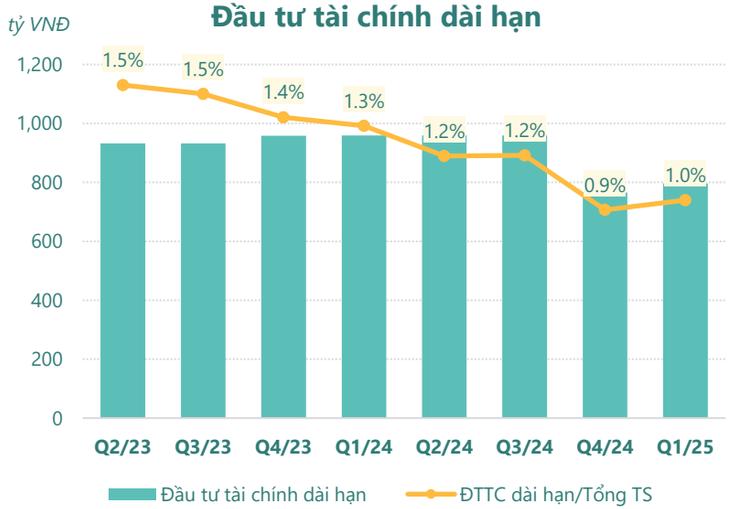

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

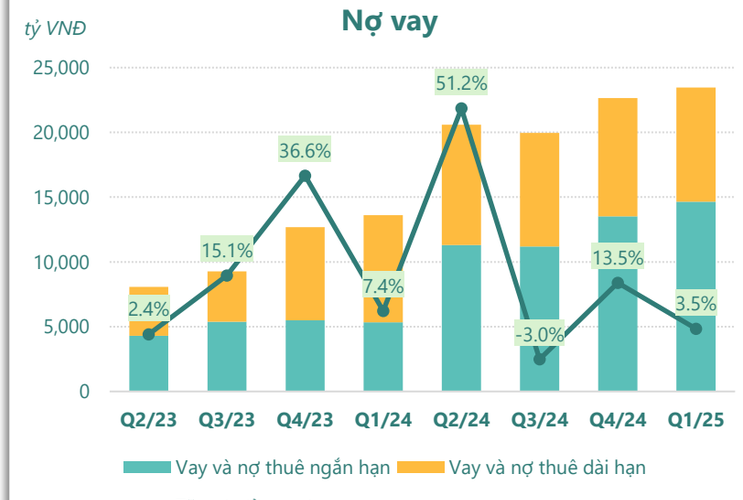

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

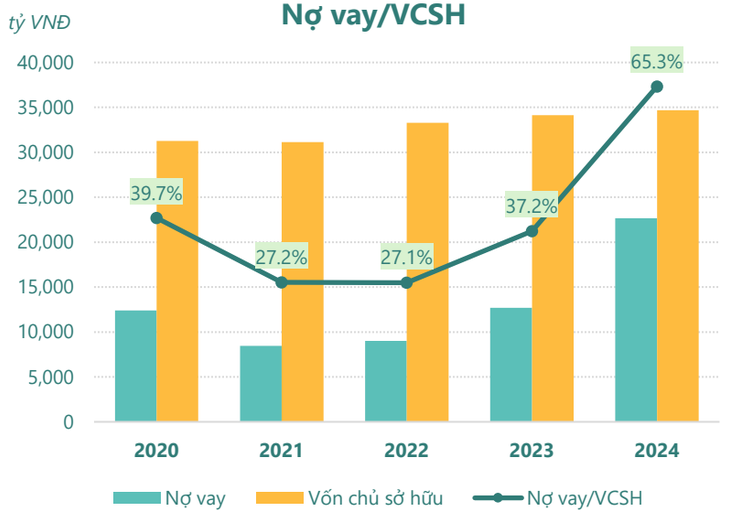

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

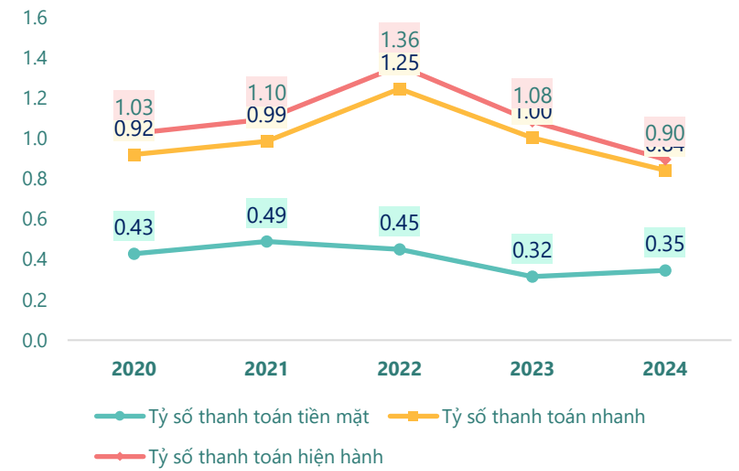

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

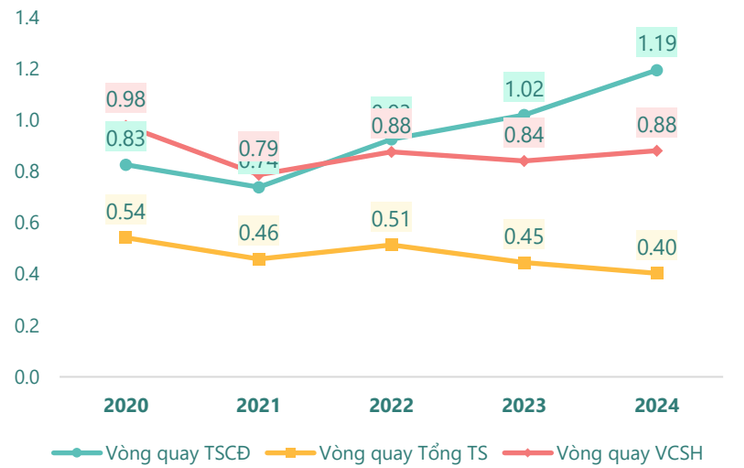

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

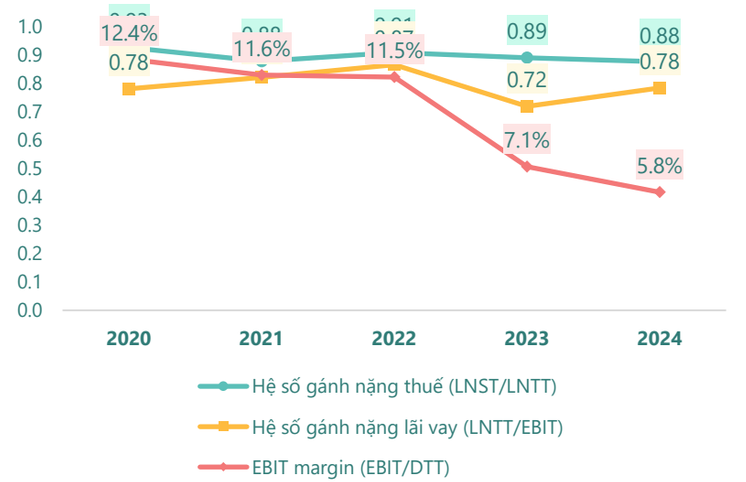

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

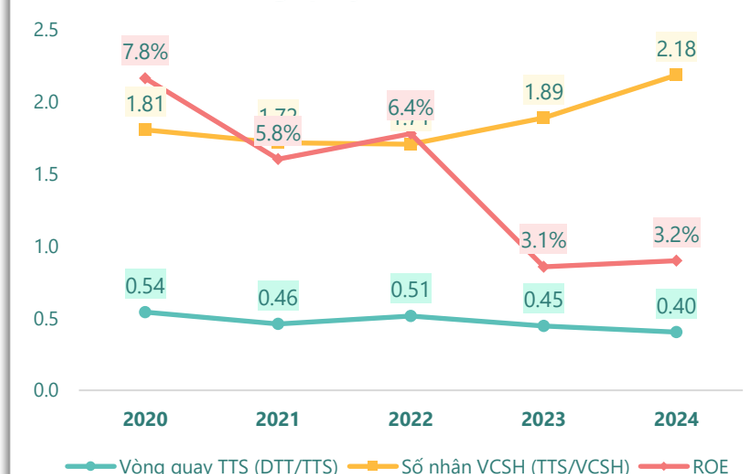

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

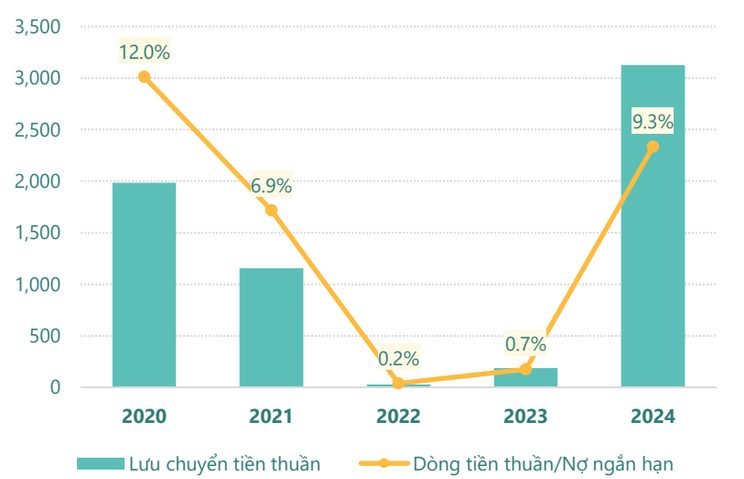

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**8,150**	**6,243**	**30.6%**	**30,306**	**28,329**	**7.0%**
Giá vốn hàng bán	7,334	5,866	25.0%	28,308	25,625	10.5%
Lợi nhuận gộp	816	377	116%	1,998	2,704	-26.1%
Doanh thu HĐTC	208	101	106%	566	544	4.1%
Chi phí TC	176	154	14.0%	845	730	15.9%
Chi phí lãi vay	119	80.6	48.2%	382	565	-32.4%
LN trong công ty LKLD	**0.53**	**0.00**		**42.2**	**40.1**	**5.2%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**338**	**116**	**191%**	**878**	**1,268**	**-30.8%**
LN thuần từ HĐKD	511	207	147%	883	1,290	-31.6%
Lợi nhuận khác	**-0.95**	**70.9**	**-101%**	**500**	**152**	**230%**
LN trước thuế	510	278	83.6%	1,383	1,442	-4.1%
Lợi nhuận sau thuế	**472**	**216**	**119%**	**1,211**	**1,283**	**-5.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**445**	**278**	**60.1%**	**1,112**	**1,038**	**7.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2,160	-2,435	2,255	5,099	-521	-44.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4,551	759	-6,832	-2,095	-2,698	-2,851
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3,452	775	6,966	-323	2,332	654
Tiền đầu kỳ	7,510	8,440	7,538	9,928	12,608	11,564
Lưu chuyển tiền thuần	**1,061**	**-901**	**2,389**	**2,681**	**-888**	**-2,241**
Ảnh hưởng tỷ giá	21.1	0.00	0.04	-0.06	0.08	0.06
Tiền cuối kỳ	8,592	7,538	9,928	12,608	11,720	9,323

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**80,740**	**79,915**	**1.0%**
Tài sản ngắn hạn	30,402	29,981	1.4%
Tiền và tương đương tiền	9,323	11,564	-19.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,687	4,112	14.0%
Phải thu ngắn hạn	13,752	11,873	15.8%
Hàng tồn kho	2,032	1,795	13.2%
Tài sản ngắn hạn khác	608	636	-4.4%
Tài sản dài hạn	**50,338**	**49,934**	**0.8%**
Phải thu dài hạn	0.38	0.35	8.5%
Tài sản cố định	23,641	24,321	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21,857	19,759	10.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	796	766	3.9%
Tài sản dài hạn khác	**4,043**	**5,088**	**-20.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45,706	45,234	1.0%
Nợ ngắn hạn	**34,013**	**33,457**	**1.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14,646	13,508	8.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	16,326	15,726	3.8%
Nợ dài hạn	11,693	11,777	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	8,813	9,151	-3.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**35,034**	**34,681**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**35,034**	**34,681**	**1.0%**
Vốn điều lệ	23,419	23,419	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)